

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2018/DS-PT
Ngày: 21-11-2018
V/v thừa kế theo pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2018/TLPT- DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp thừa kế theo pháp luật*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2018/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Kim L1, sinh năm 1968 (có mặt);

Cư trú tại: Số 214, đường Nguyễn Đình Chiểu, khóm 8, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1960 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1962 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L2: Bà Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1960 là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 19/5/2017*);

Cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1954.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị P: Bà Nguyễn Diệp T1, sinh năm 1972 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/5/2017);

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

3. Bà Nguyễn Diệp T1, sinh năm 1972 (có mặt).

4. Ông Nguyễn Hiệp S, sinh năm 1972 (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Phương D2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Đức D3, sinh năm 1997 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

7. Anh Trần Thanh D4, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C ..

8. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp 1, xã P, huyện G, tỉnh B ..

9. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cư trú tại: ấp 5, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

10. Chị Trần Thị B1, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

11. Anh Trần Chí C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

12. Anh Trần Minh N2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

13. Ông Trần Thanh V, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

14. Anh Lê Hoàng B2 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D1 trình bày: Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Thêm và cụ Nguyễn Thị Tiêm có tất cả 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Hoài (chết năm 1968, chưa có vợ), bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đẹp (chết năm 2012, chồng là ông Trần Thanh V, bà Đẹp có 06 người con gồm: Trần Thanh D4, Trần Thị T2, Trần Thị T3, Trần Thị B1, Trần Chí C và Trần Minh N2), bà Nguyễn Ngọc D1, ông Nguyễn Hoàng N1, bà Nguyễn Kim L1 và bà Nguyễn Diệp T1. Trong lúc sinh thời cụ Thêm và cụ Tiêm có tạo lập được 02 phần đất như sau:*

Phần đất thứ nhất có diện tích 39.280m² tọa lạc ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do hai cụ tự khai phá. Phần đất này, ông N1 tự ý chuyển tên quyền sử dụng đất gia đình không ai biết, đến khi biết thì gia đình cũng đồng ý để ông N1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ),

ông N1 được cấp GCNQSDĐ phần đất này vào năm 1990. Bà D1 không yêu cầu phân chia phần đất này.

Phần đất thứ hai có diện tích 32.050m^2 tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Phần đất này cụ Tiêm được cha ruột là cụ Nguyễn Văn Tao tặng cho; cụ Thêm qua đời những Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn đứng tên cụ Thêm.

Bà D1 đồng ý giao phần đất có diện tích 12.263m^2 nằm trong phần di sản thừa kế cho bà T1 được hưởng, phần còn lại 19.787m^2 .

Bà D1 yêu cầu phân chia thừa kế nhận phần đất theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế đối với phần đất nêu trên.

Bà thống nhất với giá trị căn nhà còn lại 200.000.000đ, cống xổ vuông 5.000.000đ và giá trị phần đất tranh chấp 22.500.000đ/ 1.000m^2 đất.

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Kim L1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà D1, bà yêu cầu được nhận đất. Ngoài ra, bà L1 cho rằng khi cụ Thêm còn sống có hứa cho bà 10 công đất nằm trong phần đất đang tranh chấp. Bà thống nhất với giá trị căn nhà còn lại 200.000.000đ, cống xổ vuông 5.000.000đ và giá trị phần đất tranh chấp 22.500.000đ/ 1.000m^2 đất.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 trình bày:*

Nguồn gốc 02 phần đất là của cha ông, năm 1984 xã Quách Phẩm B tách ra làm 04 xã, do 02 phần đất thuộc 02 xã, nếu không tách quyền sử dụng thì Nhà nước sẽ thực hiện chính sách trang trải đất đai. Năm 1990 cụ Thêm thống nhất để ông đứng tên phần đất có diện tích 39.280m^2 tọa lạc tại ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Còn phần đất có diện tích 32.050m^2 tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc của ông ngoại ông, sau đó cho cụ Thêm và cụ Tiêm quản lý sử dụng. Khi cụ Thêm còn sống có cho bà T1 một phần đất, phần còn lại cho ông. Phần đất cụ Thêm cho, được bà T1 sử dụng được khoảng 10 năm, phần đất của bà T1 chưa được cấp GCNQSDĐ. Nay ông N1 đề nghị để lại phần đất thờ cúng là 10 công tầm lớn (tức 12.960m^2), phần còn lại ông đồng ý chia đều cho 07 anh chị em. Ông N1 yêu cầu được nhận phần đất hương hỏa với diện tích 12.960m^2 theo biên bản họp thân tộc ngày 21/10/2016. Trên phần đất có 01 căn nhà của bà T1, 01 cống xổ vuông của ông N1.

Ông có cho ông Lê Hoàng B2 thuê phần đất đang tranh chấp diện tích 02 ha vào tháng 3/2016, giá thuê 1.000.000đ/01 công/01 năm.

Chị Loan đại diện cho ông N1 thống nhất với giá trị căn nhà còn lại 200.000.000đ, cống xổ vuông 5.000.000đ và giá trị phần đất tranh chấp 22.500.000đ/ 1.000m^2 đất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Diệp T1 trình bày:*

Phần đất bà đang quản lý sử dụng được cụ Thêm cho vào năm 1995, do trước đây GCNQSDĐ đang thế chấp vay tại Ngân hàng, nên không chuyển tên quyền sử dụng đất cho bà được. Bà sống chung với cụ Thêm và cụ Tiêm từ năm 1995, đến năm

2006 cụ Tiềm bệnh nặng nên ông N1 là người trực tiếp nuôi. Lúc cụ Thêm, cụ Tiềm còn sống có nói cho bà 10 công đất, cho chị thứ 8 tên Nguyễn Kim L1 10 công đất, phần còn lại để cha mẹ dưỡng già. Bà thống nhất theo yêu cầu của bà L1, bà D1, bà yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 12.263m² thuộc quyền sử dụng của bà, bà không nhận kỷ phần thừa kế trong phần diện tích 19.787m² còn lại.

Trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà của bà được xây dựng trước đây, nhưng đến năm 2016 được sửa chữa, xây dựng mới lại, giá trị còn lại khoảng 200.000.000đ; 01 công xỏ vuông được xây dựng năm 2001, giá trị sử dụng còn lại khoảng 5.000.000đ, ngoài ra không có công trình, kiến trúc hay cây lâu năm. Phần đất có giá trị 22.500.000đ/1.000m² đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà L1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất có diện tích 21.750m² cho bà, bà D1, bà L2, bà P, ông N1 và hàng thừa kế của bà Đẹp. Bà yêu cầu được nhận đất, bà yêu cầu gộp các phần di sản thừa kế của bà, bà D1, bà L2, bà P và hàng thừa kế của bà Đẹp giao cho bà quản lý, còn phần di sản thừa kế của ông N1 bà không đồng ý chia bằng hiện vật. Bà không yêu cầu chia thừa kế phần diện tích 12.263m² của bà T1, bà yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất 12.263m² cho bà T1. Do bà không yêu cầu chia phần đất bà T1, nên bà không yêu cầu gì với nhà và công xỏ vuông của bà T1. Bà yêu cầu anh B2 giao phần đất là di sản thừa kế lại cho các hàng thừa kế hưởng và yêu cầu anh B2 di dời chòi giữ vuông. Đối với các tài sản trên đất và số tiền ông N1 cho thuê đất bà không yêu cầu trong vụ án này. Đối với cái công xỏ vuông trên đất tranh chấp trường hợp được chia thừa kế nằm trên vị trí đất ai được hưởng thì bà đồng ý giao cho người đó tiếp tục hưởng.

- Bà D1 thống nhất yêu cầu của bà L1.

- Bà T1 thống nhất yêu cầu của bà L1. Bà yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 12.263m² thuộc quyền sử dụng của bà. Trường hợp công nhận phần đất thuộc quyền sử dụng của bà thì bà không hưởng di sản thừa kế, trường hợp không công nhận bà yêu cầu được hưởng di sản thừa kế, bà yêu cầu bồi thường tài sản là nhà và công xỏ vuông cho bà.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm dân sự số:60/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau quyết định (kèm theo Quyết định số: 17/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10/8/2018 về việc sửa chữa, bổ sung Bản án):

Căn cứ vào Điều 5, Điều 35, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 620, Điều 649, Điều 652 và Điều 660 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diệp T1. Công nhận phần đất có diện tích 12.263m^2 tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Diệp T1. Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất là di sản thừa kế điểm M2M3M4M5M6M7M8, dài 564,2m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Quốc Hận điểm M1M9M10, dài 565,2m;

Hướng Nam giáp Lung Thanh Tùng điểm M8M9, dài 20,3m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Hoàng Nam điểm M1M2, dài 18,1m;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị P.

Bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P mỗi người được hưởng 3.625m^2 đất.

Ông Trần Thanh V, anh Trần Thanh D4, chị Trần Thị T2, chị Trần Thị T3, chị Trần Thị B1, anh Trần Chí C và anh Trần Minh N2 được hưởng 3.625m^2 đất.

3. Giao phần đất là di sản thừa kế của bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P và hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Đẹp có tổng diện tích 18.125m^2 tọa lạc ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Kim L1 quản lý sử dụng, phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Tô Công Đen điểm Q1Q2Q3, dài 566,4m;

Hướng Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Diệp T1 điểm M2M3M4M5M6M7M8, dài 564,2m;

Hướng Nam giáp Lung Thanh Tùng dài 17,7m (*phần đất giáp Lung Thanh Tùng dài 36,7m, trừ phần giáp Lung Thanh Tùng ông Nguyễn Hoàng N1 được hưởng dài 19m*);

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Chí Dũng, ông Lê Văn Công điểm Q1M2, dài 45,3m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo, bút lục số 133)

4. Ông Nguyễn Hoàng N1 được hưởng phần đất có diện tích 3.625m^2 tọa lạc ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất là di sản thừa kế giao cho bà Nguyễn Kim L1 điểm M2M3M4M5M6, dài 206,1m;

Hướng Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Diệp T1 điểm M7M8M9M10M11M1, dài 212,8m;

Hướng Nam giáp Lung Thanh Tùng điểm M6M7, dài 19m;

Hướng Bắc giáp phần đất là di sản thừa kế giao cho bà Nguyễn Kim L1 điểm M1M2, dài 31,5m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo, bút lục số 228)

5. Ông Nguyễn Hoàng N1 được quyền quản lý sử dụng 01 cái cống do cụ Nguyễn Văn Thêm xây dựng nằm trên phần đất ông Nguyễn Hoàng N1 được hưởng.

6. Buộc anh Lê Hoàng B2 phải có nghĩa vụ giao lại phần đất có diện tích 18.125m² cho bà Nguyễn Kim L1 quản lý sử dụng.

Buộc anh Lê Hoàng B2 phải có nghĩa vụ giao lại phần đất có diện tích 3.625m² cho ông Nguyễn Hoàng N1 quản lý sử dụng.

Buộc anh Lê Hoàng B2 phải di dời 01 chòi giữ vuông để trả lại hiện trạng phần đất là di sản thừa kế.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 9/8/2018, ông Nguyễn Hoàng Nhân có đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích của Nguyễn Kim Lông, Nguyễn Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Thị Phụng, và hàng thừa kế thế vị của bà Đẹp, tổng diện tích 21.750m². Đối với phần đất đã công nhận cho bà Nguyễn Diệp Thúy 12.263m², ông Nhân đồng ý không có yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Nhân giữ y yêu cầu kháng cáo. Ngoài ra, ông N1 còn yêu cầu xem xét công sức quản lý di sản của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Nhân đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích của Nguyễn Kim Lông, Nguyễn Ngọc Diệp, Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Thị Phụng, và thừa kế thế vị của bà Đẹp, tổng diện tích 21.750m², thấy rằng:

[2] Nguồn gốc phần đất 34.013m² do cụ Tiêm đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ cha mẹ của cụ Tiêm để lại cho cụ Thêm và cụ Tiêm. Cụ Thêm chết năm 2013, cụ Tiêm chết năm 2010, hiện toàn bộ phần đất còn đứng tên cụ Tiêm, vì vậy đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 649, 650 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, trong di sản này, các đương sự đều thống nhất giao cho bà Nguyễn Diệp Thúy 12.263m², nên di sản còn lại chỉ còn 21.750m².

[3] Xét về hàng thừa kế, cụ Thêm và cụ Tiêm có tất cả 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Hoài, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Đẹp, bà Nguyễn Ngọc D1, ông Nguyễn Hoàng N1, bà Nguyễn Kim L1 và bà Nguyễn Diệp T1. Trong đó, ông Hoài chết năm 1968 (ông Hoài không có vợ, con). Đối với bà Đẹp chết vào năm 2012. Bà Đẹp có chồng là ông Trần Thanh V, bà Đẹp với ông V có 06 người con là Trần Thanh D4, Trần Thị T2, Trần Thị T3, Trần Chí C, Trần Thị B1 và Trần Văn Nhí. Do cụ Thêm chết năm 2013, cụ Tiêm chết năm 2010, còn bà Đẹp chết năm 2012, như vậy bà Đẹp chết trước cụ Thêm, chết sau cụ Tiêm và bà Đẹp chết

trước ngày chia thừa kế. Do đó, các con của bà Đẹp được xem là thừa kế thế vị. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định cả ông V (chồng bà Đẹp cùng hàng thừa kế thế vị là không đúng theo Điều 652 của Bộ luật dân sự). Tuy nhiên, phần đất được chia, suất thừa kế của bà Đẹp, các hàng thừa kế thế vị không nhận mà thống nhất giao cho bà Nguyễn Kim L1, nên việc sửa án là không cần thiết, chỉ cần điều chỉnh lại chỉ có con bà Đẹp là hàng thừa kế thế vị. Đồng thời, do bà Nguyễn Diệp T1 từ chối nhận di sản thừa kế, nên chỉ còn lại 06 kỷ phần, gồm bà L2, bà P, bà D1, ông N1, bà L1, bà T1 và các con của bà Đẹp. Như vậy, còn lại 06 kỷ phần thừa kế, tương đương mỗi kỷ phần được hưởng $21.750\text{m}^2 : 06 = 3.625\text{m}^2$.

[4] Tại cấp sơ thẩm ông N1 đề nghị giữ lại 12.960m^2 để thờ cúng, vì là đất hương hỏa, nhưng tại cấp phúc thẩm ông N1 kháng cáo không thống nhất chia cho các hàng thừa kế đối với phần đất còn lại là 21.750m^2 . Ông Nhãn cũng cho rằng suốt quá trình khoảng 40 năm, chính ông Nhãn và gia đình ông Nhãn đã thực tế quản lý di sản này, trong quá trình cha mẹ ông Nhãn còn sống ông Nhãn cũng đã phụng dưỡng, chăm sóc đầy đủ. Khi cha mẹ chết, chính ông Nhãn và gia đình ông Nhãn cũng thực hiện việc thờ cúng, hiện nay ông Nhãn vẫn thờ cúng cha mẹ và ông bà, nên ông Nhãn yêu cầu tính công sức quản lý di sản cho ông, như ý kiến thân tộc thống nhất giao ông 10 công tầm lớn = 12.960m^2 . Xét thấy, khi cha mẹ ông Nhãn còn sống, ông cùng cha mẹ ông quản lý di sản này và sau khi cha mẹ ông chết ông cũng quản lý di sản này, sử dụng vào việc canh tác sản xuất, nay ông Nhãn tiếp tục cho thuê phần đất này. Như vậy, suốt quá trình ông Nhãn quản lý đất ông đều có được hưởng lợi từ việc canh tác lấy hoa lợi, lợi tức và nay cho thuê lấy tiền cho thuê đất. Mặt khác, đối với phần đất có mồ mả ông bà cha mẹ ông N1, ông N1 thực hiện thờ cúng là ở phần đất có diện tích 39.280m^2 tọa lạc ấp Cái Ngay, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (chứ không phải tại phần đất tranh chấp). Vì vậy, đất tranh chấp không phải là đất hương hỏa, mà chỉ là đất khai thác nuôi trồng thủy sản. Do đó, việc ông N1 đặt ra yêu cầu về công sức quản lý di sản, yêu cầu để lại cho ông đất hương hỏa 12.960m^2 sử dụng, hay việc ông N1 yêu cầu kháng cáo không chấp nhận chia thừa kế cho anh em ông, đề nghị giữ nguyên phần đất cho ông N1 sử dụng là không phù hợp.

[5] Xét yêu cầu của các đương sự về việc xin hưởng bằng hiện vật, không đồng ý hưởng bằng giá trị, thấy rằng từ cấp sơ thẩm bà L1 và bà D1 yêu cầu để thuận tiện cho việc quản lý sử dụng phần di sản thừa kế, thì bà L1 và bà D1 và các đồng thừa kế khác đồng ý nhập phần di sản thừa kế của bà D1, bà L1, bà L2, bà P và bà Đẹp lại giao cho bà L1 quản lý sử dụng. Đồng thời, tại Giấy ủy quyền của anh D4 thì anh đồng ý giao phần di sản của anh được hưởng cho bà D1. Xét thấy, phần di sản thừa kế là phần đất nuôi trồng thủy sản, phần đất này có chiều ngang mặt tiền 36,7m, ngang mặt hậu 45,3m, chiều dài một cạnh 566,4m và một cạnh 564,2m nên việc cắt đất ra riêng cho mỗi phần di sản thừa kế sẽ ảnh hưởng đến quá trình canh tác phần đất. Như vậy, yêu cầu của bà L1 và bà D1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cho bà L1 quản lý các phần di sản của bà D1, bà L2, bà P và bà Đẹp với tổng diện tích là 18.125m^2 , giao cho ông N1 quản lý phần di sản với diện tích 3.625m^2 là phù hợp. Tuy nhiên, phần đất là di sản thừa kế, hiện ông N1 cho anh Lê

Hoàng B2 thuê, nên Hội đồng xét xử buộc anh Lê Hoàng B2 phải có nghĩa vụ giao lại phần đất thuộc di sản thừa kế cho các hàng thừa kế quản lý sử dụng.

[6] Trên phần di sản thừa kế có 01 công xỏ vuông do cụ Thêm xây dựng, 01 chòi giữ vuông của anh B2. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L1 và bà D1 yêu cầu anh B2 di dời chòi giữ vuông để trả lại hiện trạng là di sản thừa kế. Còn công xỏ vuông, trường hợp Tòa án phân chia mà nằm trên phần di sản của ai thì người đó được hưởng là phù hợp.

[7] Đối với việc ông N1 tự ý khai thác cây trên phần đất và việc ông N1 cho anh B2 thuê phần đất là di sản thừa kế, thì bà D1, bà L1, bà L2, bà P và bà T1 trong quá trình giải quyết không yêu cầu; còn anh Lê Hoàng B2 không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp các đương sự có tranh chấp mà không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[8] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng N1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[9] Do không chấp nhận kháng cáo của ông Nhãn, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Nhãn phải chịu án phí phúc thẩm.

[10] Đối với chi phí xem xét thẩm định, án phí sơ thẩm Bản án sơ thẩm đã xử lý phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo trình tự thủ tục luật định.

[12] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng Nhãn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diệp T1. Công nhận phần đất có diện tích 12.263m² tọa lạc tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Diệp T1. Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất là di sản thừa kế điểm M2M3M4M5M6M7M8, dài 564,2m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Quốc Hận điểm M1M9M10, dài 565,2m;

Hướng Nam giáp Lung Thanh Tùng điểm M8M9, dài 20,3m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Hoàng Nam điểm M1M2, dài 18,1m;

2. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị P.*

- Bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P mỗi người được hưởng 3.625m² đất. Hàng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Đẹp gồm: Anh Trần Thanh D4, chị Trần Thị T2, chị Trần Thị T3, chị Trần Thị B1, anh Trần Chí C và anh Trần Minh N2 được hưởng 3.625m² đất.

- Giao phần đất là di sản thừa kế của bà Nguyễn Kim L1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P và hàng thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Đẹp có tổng diện tích 18.125m² tọa lạc ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Kim L1 quản lý sử dụng, phần đất có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Tô Công Đen điểm Q1Q2Q3, dài 566,4m;

Hướng Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Diệp T1 điểm M2M3M4M5M6M7M8, dài 564,2m;

Hướng Nam giáp Lung Thanh Tùng dài 17,7m (*phần đất giáp Lung Thanh Tùng dài 36,7m, trừ phần giáp Lung Thanh Tùng ông Nguyễn Hoàng N1 được hưởng dài 19m*);

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Chí Dũng, ông Lê Văn Công điểm Q1M2, dài 45,3m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo, bút lục số 133)

3. Ông Nguyễn Hoàng N1 được hưởng phần đất có diện tích 3.625m² tọa lạc ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất là di sản thừa kế giao cho bà Nguyễn Kim L1 điểm M2M3M4M5M6, dài 206,1m;

Hướng Tây giáp phần đất của bà Nguyễn Diệp T1 điểm M7M8M9M10M11M1, dài 212,8m;

Hướng Nam giáp Lung Thanh Tùng điểm M6M7, dài 19m;

Hướng Bắc giáp phần đất là di sản thừa kế giao cho bà Nguyễn Kim L1 điểm M1M2, dài 31,5m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo, bút lục số 228)

Ông Nguyễn Hoàng N1 được quyền quản lý sử dụng 01 cái cống do cụ Nguyễn Văn Thêm xây dựng nằm trên phần đất ông Nguyễn Hoàng N1 được hưởng.

4. *Buộc anh Lê Hoàng B2 phải có nghĩa vụ giao lại phần đất có diện tích 18.125m² cho bà Nguyễn Kim L1 quản lý sử dụng.*

Buộc anh Lê Hoàng B2 phải có nghĩa vụ giao lại phần đất có diện tích 3.625m² cho ông Nguyễn Hoàng N1 quản lý sử dụng.

Buộc anh Lê Hoàng B2 phải di dời 01 chòi giữ vuông để trả lại hiện trạng phần đất là di sản thừa kế.

5. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

- Bà Nguyễn Kim L1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm ngàn đồng*), nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 5.000.000đ. Bà Nguyễn Kim L1 được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.900.000 đồng (*ba triệu chín trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi do ông Nguyễn Hoàng N1, bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị P nộp.

- Bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi ngàn đồng*). Buộc bà Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị L2 và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải có nghĩa vụ nộp số tiền 550.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho bà Nguyễn Kim L1.

- Ông Nguyễn Hoàng N1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Buộc ông Nguyễn Hoàng N1 phải có nghĩa vụ nộp số tiền 2.250.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả cho bà Nguyễn Kim L1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Ông Nguyễn Hoàng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.378.000 đồng (*chưa nộp*).

+ Bà Nguyễn Kim L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 8.156.000 đồng (*tám triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo biên lai số 0008798 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà Nguyễn Kim L1 còn phải nộp 6.156.000 đồng (*sáu triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Ngọc D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.078.000 đồng (*bốn triệu không trăm bảy mươi tám ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo biên lai số 0008797 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà Nguyễn Ngọc D1 còn phải nộp 2.078.000 đồng (*hai triệu không trăm bảy mươi tám ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Diệp T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L2 1.240.000 đồng (*một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009064 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 1.240.000 đồng (*một triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009063 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; hoàn trả cho bà Nguyễn Diệp T1

3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009040 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- *Án phí phúc thẩm*: Ông Nguyễn Hoàng N1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 0010244 ngày 09/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu đối trừ.

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út